

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC TẬP LẦN 1 (HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2022-2023)

LỚP K16A-D3B (BẠC CAO ĐẲNG TT09, NGÀNH DƯỢC, KHÓA 2022-2025)

TT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	GDQP	LT	SH - DT	HĐCVC	GDPL	CT	ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)
					Số Đvht :	3	1	2	3	2	4			
					Số thứ tự :	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)			
1	16011018	Hoàng Thị Kim	Ngân	22/08/2004		6.7	7.0	6.9	8.7	7.1	7.3	Khá		
2	16011018	Phan Thị Hồng	Ngát	11/12/2004		6.7	7.1	6.4	8.6	5.1	6.5	T.bình khá		
3	16011019	Bùi Thị Hồng	Ngọc	07/01/2004		0.0	0.0	1.5	0.0	0.0	0.4	Yếu		5=100.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)
4	16011015	Hoàng Hiền	Nhi	19/05/2004		7.2	7.0	7.5	8.9	8.0	7.8	Khá		
5	16011010	Trần Thị Ngọc	Oanh	05/04/2003		7.0	6.7	6.7	8.7	7.8	7.4	Khá		
6	16011016	Phạm Thị Kim	Oanh	25/10/2004		7.4	7.1	7.0	9.1	7.6	7.6	Khá		
7	16011016	Võ Thị Kim	Oanh	12/12/2004		7.9	6.8	7.5	7.7	7.9	7.6	Khá		
8	16011010	Lường Văn	Phương	12/11/2004		6.4	6.9	6.6	8.3	7.2	7.1	Khá		
9	16011009	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	12/04/2004		6.8	7.5	7.4	8.5	8.4	7.9	Khá		
10	16011010	Trần Thị	Quỳnh	15/01/2001		6.5	6.6	7.8	8.1	6.9	7.2	Khá		
11	16011016	Phạm Thị Như	Quỳnh	03/12/2004		6.7	6.6	7.1	8.9	7.8	7.5	Khá		
12	16011011	Phạm Văn	Tâm	04/08/2003		6.4	6.5	6.7	7.5	6.5	6.7	T.bình khá		
13	16011012	Nguyễn Thị	Thắm	06/07/2004		6.7	7.7	7.0	8.3	7.2	7.4	Khá		
14	16011033	Nguyễn Phương	Thanh	04/10/2004		6.8	7.0	3.8	8.5	7.1	6.5	T.bình khá		1=20.0%
15	16011015	Hoàng Anh	Thư	25/03/2004		7.2	6.5	7.3	8.5	6.7	7.2	Khá		
16	16011015	Hoàng Trung	Thực	01/09/2004		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)
17	16011014	Nguyễn Duy	Toại	01/09/2003		7.4	6.5	6.8	0.0	3.2	4.5	Yếu		2=40.0%(5:0)(6:0)
18	16011009	Nguyễn Thị	Trang	26/10/2004		7.3	7.3	6.1	8.5	7.7	7.3	Khá		
19	16011017	Nguyễn Quỳnh	Trang	06/10/2004		6.7	7.8	5.7	7.2	7.7	7.1	Khá		

				Số Đvht :		3	1	2	3	2	4			
				Số thứ tự :		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)			
TT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	GDQP	LT	SH - DT	HĐCVC	GDPL	CT	ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)
20	16011019	Lương Thị Ngọc	Trang	23/03/2004		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)
21	16011011	Trần Thị	Uyên	01/09/2004		7.4	7.7	7.9	8.9	8.2	8.1	Giỏi		
22	16011014	Nguyễn Thảo	Vân	15/01/2004		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)
23	16011018	Trần Thị Thúy	Vân	01/10/2004		7.2	7.3	6.7	8.9	6.9	7.3	Khá		
24	16011030	Vũ Thị Thanh	Vân	21/10/2004		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(3:0)(5:0)(6:0)
25	16011011	Trần Anh	Văn	27/01/2000		7.2	7.1	6.3	7.7	5.8	6.6	T.bình khá		
26	16011020	Lê Hà	Vi	29/03/2004		0.5	1.9	6.6	8.7	8.3	6.2	T.bình khá		2=40.0%(2:0)(3:0)
27	16011019	Lê Thế	Vinh	09/12/2004		0.0	5.9	5.6	6.8	5.7	5.4	Trung bình		1=20.0%(2:0)

Xếp loại học tập: Xuất sắc: 0 (0.0%), Giỏi: 1 (3.7%), Khá: 14 (51.9%), T.bình khá: 5 (18.5%), Trung bình: 1 (3.7%), Yếu: 6 (22.2%),

Xếp loại rèn luyện: Xuất sắc: 0 (0.0%), Tốt: 0 (0.0%), Khá: 0 (0.0%), Trung bình: 0 (0.0%), Yếu: 0 (0.0%),

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

TPHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Thanh Sơn

Ghi chú:

(1) GDQP: GDQP

(2) LT: LATIN

(3) SH - DT: SINH HỌC VÀ DI TRUYỀN

(4) HĐCVC: HÓA ĐẠI CƯƠNG VÔ CƠ

(5) GDPL: GDPL

(6) CT: CHÍNH TRỊ